

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **79/2022/DS - PT**

Ngày: 29 – 9 – 2022

V/v yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả  
tiền

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Văn Hiếu

*Các Thẩm phán:*

Ông Trương Chí Trung

Bà Trần Thị Thanh Mai

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Kiều Trang, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng;

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng:*** Ông Ngô Văn Hùng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 8 năm 2022 về “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2022/DS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 92/2022/QĐ-PT ngày 16 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 125/2022/QĐ-PT ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Ông Phan Như N, sinh năm 1987; Địa chỉ: số X, đường A, tổ X, phường B, quận C, TP Đà Nẵng.

***Người đại diện hợp pháp của ông N:*** Ông Nguyễn Đình T1, sinh năm: 1958. Địa chỉ: X đường D, quận E, TP Đà Nẵng, là người đại diện theo ủy (theo Giấy ủy quyền được công chứng tại Văn phòng Công chứng Phạm Văn Vinh ngày 25/8/2022). Có đơn xin xét xử vắng mặt

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phan Như N:* ông Trần Văn Hoà, Luật sư Công ty luật TNHH An Mỹ, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: X đường F, quận E, TP Đà Nẵng. Có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Lê Danh T2, sinh năm 1966; Địa chỉ: số X, đường G, phường J, quận S, thành phố Đà Nẵng.

*Người đại diện hợp pháp của ông T2:* bà Đặng Thị H, sinh năm 1995. Địa chỉ liên hệ: số X đường K, phường L, quận V, TP Đà Nẵng. Ông T2 và bà H cùng có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê Danh T2:* ông Nguyễn Cao Hùng, Luật sư Công ty Luật TNHH Kim Trọng Hùng, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: X đường K, phường L, quận V, TP Đà Nẵng. Có mặt

3. *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Danh T2, là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Bản án sơ thẩm:

*\* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Đình T1 trình bày:*

Thông qua mối quan hệ xã hội ông Phan Như N nhiều lần đưa tiền cho ông Lê Danh T2 để ông T2 sử dụng vào việc cá nhân, đến ngày 30.6.2017 ông Lê Danh T2 viết giấy công nhận đã nhận của ông Phan Như N 6 lần, tổng cộng số tiền đã nhận là 688.000.000 đồng (*sáu trăm, tám mươi tám triệu đồng*). Sau đó nhiều lần ông N yêu cầu ông T2 hoàn trả số tiền đã nhận nhưng ông T2 không trả nên ông N có đơn khởi kiện ông T2. Yêu cầu: Tòa án nhân dân quận Sơn Trà. Tuyên buộc ông Lê Danh T2 hoàn trả số tiền 688 triệu đồng mà ông T2 đã nhận và không yêu cầu tính lãi.

- Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Danh T2, đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Đình T1 có ý kiến: Nguyên đơn không hiểu khái niệm phản tố trong Bộ luật tố tụng. Nội dung của đơn phản tố cần đảm bảo một trong các điều kiện sau đây: *Yêu cầu trong đơn phản tố nhằm mục đích bù trừ nghĩa vụ cho yêu cầu của Nguyên đơn. Nội dung này được quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 200 BLTTDS năm 2015.* Do đó, yêu cầu: đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố thụ lý số: 86/2021/TB-TLVA ngày 14/12/2021 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà.

*\* Theo bản tự khai ngày 12.01.2022, bà Đặng Thị H đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:* Bà Nguyễn Thị M và ông Phan Như N có quan hệ làm ăn chung và cùng là thành viên của Công ty D, chuyên kinh doanh gỗ và các sản phẩm từ Sâm Ngọc Linh. Họ biết ông T2 qua hội thảo về Sâm Ngọc Linh, lúc đó ông T2 tham dự với tư cách là phóng viên được mời. Ngày 03.6.2016, ông N đã ký Hợp

đồng lao động không thời hạn với ông T2, theo đó bổ nhiệm ông T2 giữ chức vụ Phó giám đốc Công ty Cổ phần sản xuất gỗ D với mức lương 23 triệu/tháng, phụ cấp 2 triệu/tháng và lương kinh doanh. Để có kinh phí mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, bà M đã đứng ra huy động vốn từ ông T2 vào tháng 12/2016 và tháng 3/2017 để mở thêm chi nhánh Sâm Ngọc Linh tại Kon Tum, nay là Công ty K.

Sau đó, ông T2 nghe thông tin và biết được ông Phan Như N đã sử dụng con dấu của Công ty, cũng như chức danh của mình để huy động vốn từ một số cá nhân khác và sử dụng vào mục đích cá nhân (*có nhiều chủ nợ đã tố cáo ông N tại Công an tỉnh Quảng Nam, trong đó có ông H (làm ngân hàng) tố cáo ông N đã chiếm đoạt 8,7 tỷ mà trước đây chúng tôi đã cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án*). Vì vậy, ông T2 đã không còn tin tưởng vào Công ty, nên đã yêu cầu lấy lại số tiền Công ty đã huy động từ ông T2 với lý do là vợ đòi tiền để xây nhà. Chính vì vậy, đây là lỗi do ông N, làm ảnh hưởng đến lòng tin của người khác, nên bà M đã yêu cầu ông N lấy tiền trong Công ty thanh toán lại cho ông T2. Ông N đã đồng ý và thực hiện nghĩa vụ thanh toán thành 06 đợt. Do đó, ông N đã đến gặp ông T2 6 lần để thực hiện nghĩa vụ thay cho bà M, “*thanh toán*” với tổng số tiền là 688 triệu đồng. Vào ngày 30.6.2017 ông T2 đã viết giấy xác nhận việc ông N đã hoàn thành nghĩa vụ cần trừ công nợ và thanh toán cho ông T2 tổng cộng số tiền 688 triệu trên chứ không hề cho ông T2 vay mượn hay đưa tiền cho ông T2 vì mục đích nào khác.

Sự việc này đều được ông N thừa nhận ở vụ án thụ lý số: 126/2020/TLST-DS của TAND quận Sơn Trà ngày 10.01.2020 (*thể hiện tại các đơn khởi kiện bút lục số 09, 16; bản tự khai bút lục 28, đơn tố giác bút lục 50*), người đại diện hợp pháp của bà M cũng đã thừa nhận có nợ của ông T2 nhưng là nợ của Công ty, cũng như thừa nhận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ này cho ông Phan Như N và ông N đã đồng ý thực hiện nghĩa vụ này đến 06 lần (*thể hiện tại qua văn bản trình bày quan điểm của người đại diện ủy quyền của bà M*). Do đó đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 BLTTDS 2015.

Căn cứ theo quy định tại Điều 370 BLDS 2015 thì bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý và khi được chuyển giao nghĩa vụ thì người thế nghĩa vụ trở thành bên có nghĩa vụ. Mặt khác, theo quy định tại Điều 377 BLDS 2015 thì trường hợp các bên thỏa thuận thay thế nghĩa vụ ban đầu bằng nghĩa vụ khác thì nghĩa vụ ban đầu chấm dứt và nghĩa vụ chỉ chấm dứt khi bên có quyền đã tiếp nhận tài sản khác thay thế cho tài sản thỏa thuận trước.

Như vậy, có thể xác định ông N là người thế nghĩa vụ cho bà M và đã được chấm dứt khi ông N thực hiện xong nghĩa vụ của bà M bằng giấy xác nhận của ông T2 vào ngày 30.6.2017. Do đó, giữa ông T2 và ông N không có xác lập quan hệ vay mượn tiền nên ông T2 không có nghĩa vụ trả nợ cho ông N.

Vào ngày 30.12.2019 ông N đã làm Đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T2 phải trả lại cho ông N 668 triệu + tiền lãi 165.601.600 đồng, và TAND quận Sơn Trà thụ lý số 126/2020/TLST-DS ngày 10.01.2020. Trong quá trình Tòa án giải

quyết vụ án ông N (và cả người được ủy quyền) không hề xuất hiện tại Tòa (mặt dù Tòa án đã triệu tập hơn 02 lần), sau đó lo sợ thua kiện mà đã tự rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện ngay trước ngày xét xử sơ thẩm. Vì vậy, ngày 20.11.2020 TAND quận Sơn Trà đã ra Quyết định đình chỉ vụ án số: 295/2020/QĐST-DS. Nay ông N tại tiếp tục khởi kiện lại và được TAND quận Sơn Trà thụ lý số: 86/2021/TB-TLVA về việc “*Kiện đòi tiền*” ngày 07.07.2021.

Ông Lê Danh T2 đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Như N ông T2 trả nợ số tiền 688 triệu đồng.

\* Ông Lê Danh T2 có yêu cầu phản tố đối với ông Phan Như N, cụ thể:

- Yêu cầu ông Phan Như N phải “*Xin lỗi công khai*” đối với ông Nguyễn Danh T2, với hình thức lỗi là: đăng tin xin lỗi công khai trên Báo nhân dân, Đài truyền thanh-truyền hình Đà Nẵng 03 (ba) lần trong 03 (ba) ngày liên tiếp kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, vì ông N đã khởi kiện sai sự thật, gây thiệt hại đến uy tín, danh dự của ông T2 là một nhà báo.

- Buộc ông Phan Như N phải bồi thường “*Thiệt hại về tinh thần*” do ảnh hưởng uy tín, danh dự của ông T2 với số tiền 14.900.000 đồng bằng 10 lần mức lương cơ sở.

Đối với yêu cầu phản tố buộc ông Phan Như N phải bồi thường chi phí thuê luật sư là 100.000.000đ, tại phiên tòa sơ thẩm ông T2 xin rút lại yêu cầu nên đề nghị HĐXX đình chỉ yêu cầu này.

\* Người bào chữa cho nguyên đơn có luật sư Trần Văn Hòa thống nhất ý kiến của ông Nguyễn Đình T1.

\* Người bào chữa cho bị đơn có luật sư Nguyễn Cao Hùng thống nhất ý kiến của bà Đặng Thị H.

\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà:

- Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó việc thụ lý vụ án, tổ chức hòa giải, thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Các đương sự đã chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng.

- Về nội dung :

Căn cứ vào chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Giấy ghi ngày 30.6.2017 để xác định vào ngày 30.6.2017 ông T2 có nhận từ ông N tổng cộng 688.000.000 đồng, bị đơn cho rằng đây là tiền bà Nguyễn Thị M yêu cầu ông N đứng ra trả nợ thay cho bà M nhưng đã không cung cấp được chứng cứ chứng minh, nên căn cứ vào giấy nhận tiền ngày 30.6.2017 buộc ông Lê Danh T2 phải trả lại cho ông Phan Như N số

tiền 688 triệu và không yêu cầu tính lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về các yêu cầu phản tố của bị đơn:

- Đối với yêu cầu “xin lỗi công khai” và “bồi thường thiệt hại về tinh thần” thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh là ông Phan Như N có hành vi khởi kiện sai sự thật, làm ảnh hưởng đến hình ảnh, uy tín danh dự của ông Lê Danh T2. Đồng thời sau khi xem xét chứng cứ kèm theo Đơn khởi kiện mà nguyên đơn cung cấp thì thấy có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Lê Danh T2 phải trả lại số tiền đã nhận là 688.000.000 đồng nên không đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu này;

- Đối với yêu cầu buộc ông Phan Như N phải bồi thường chi phí thuê luật sư là 100.000.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã rút yêu cầu này, việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định pháp luật, cần chấp nhận yêu cầu này của bị đơn.

Do vậy, đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 11, Điều 280 BLDS:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc đòi tiền của ông Phan Như N đối với ông Lê Danh T2. Buộc ông Lê Danh T2 trả cho ông Phan Như N 688.000.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông T2 về việc: Buộc ông Phan Như N phải “Xin lỗi công khai” và phải bồi thường “Thiệt hại về tinh thần” do ảnh hưởng uy tín, danh dự của ông Lê Danh T2 với số tiền 14.900.000 đồng;

- Đình chỉ yêu cầu buộc ông Phan Như N phải bồi thường chi phí thuê luật sư là 100.000.000 đồng do rút yêu cầu.

*\* Với nội dung vụ án như trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2022/DS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng quyết định:*

Căn cứ vào: - khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 11, Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Kiện đòi tiền” của ông Phan Như N đối với ông Lê Danh T2.

**Tuyên xử:**

**1.** Buộc ông Lê Danh T2 phải trả cho ông Phan Như N số tiền 688.000.000 đồng (*Sáu trăm tám mươi tám triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố buộc ông Phan Như N phải “*Xin lỗi công khai*” phải bồi thường “*Thiệt hại về tinh thần*” do ảnh hưởng uy tín, danh dự của ông Lê Danh T2.

3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Lê Danh T2 về việc buộc ông Phan Như N phải bồi thường chi phí thuê luật sư là 100.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về phần án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo và thi hành án dân sự.

\* Ngày 23 tháng 6 năm 2022, bị đơn ông Lê Danh T2 có Đơn kháng cáo ghi ngày 20/6/2022 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo:

Trước đây ông N là Giám đốc, bà Nguyễn Thị M là Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty D Quảng Nam. Ông N đại diện Công ty D Quảng Nam ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với ông T2 và bổ nhiệm ông T2 làm Phó Giám đốc Công ty D phụ trách Marketing. Để có kinh phí hoạt động mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh, bà M đứng ra huy động vốn từ ông T2 vào tháng 12/2016 và tháng 3/2017. Giữa ông T2, bà M và ông N có mối quan hệ làm ăn chung tại Công ty D. Sau đó, ông T2 thấy nội bộ Công ty lục đục, nợ nhiều người khác. Do đó, ông T2 không còn tin tưởng vào ông N nên yêu cầu bà M thanh toán tiền ông T2 đã góp vốn, tiền lương và rút khỏi Công ty. Bà M đồng ý và chuyển giao nghĩa vụ cho ông N và được ông T2 đồng ý. Do đó, ông N đến gặp ông T2 06 lần để thanh toán tổng số tiền 688 triệu đồng.

Sự việc này được ông N thừa nhận thể hiện tại Đơn khởi kiện của ông N đối với ông T2 (BL 09), Bản tự khai (BL số 28), Đơn sửa đổi và rút một phần khởi kiện (BL số 66), Đơn tố giác của ông N đối với ông T2; Và bà Đàm Hoàng Thy H2 là người đại diện theo ủy quyền bà M đã thừa nhận tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 20/9/2020 gửi cho Tòa án nhân dân quận Sơn Trà (BL 154) và Đơn đề nghị vắng mặt và trình bày quan điểm về vụ án ngày 20/10/2020 (BL188), mà ông T2 đã sao chụp từ hồ sơ vụ án ông N khởi kiện ông T2 do Tòa án nhân dân quận Sơn Trà thụ lý số: 126/2020/TLST-DS ngày 10/01/2020. Như vậy, ông N là người thế nghĩa vụ cho bà M và chỉ được chấm dứt khi thực hiện xong nghĩa vụ với bà M. Do đó, giữa ông T2 và ông N không xác lập quan hệ vay mượn tiền nên ông T2 không có nghĩa vụ trả 688.000.000đ cho ông N. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông N và người đại diện theo ủy quyền của ông N không xuất hiện tại Tòa, lo sợ thua kiện mà đã tự rút đơn khởi kiện ngay trước ngày xét xử sơ thẩm, nên ngày 20/11/2020 Tòa án Sơn Trà đã Quyết định đình chỉ vụ án số 295/2020/QĐST-DS.

Ông N tiếp tục khởi kiện lại và được Tòa án Sơn Trà thụ lý số 86/2021/TB-TLVA ngày 07/7/2021. Việc cố tình khởi kiện sai sự thật của ông N không chỉ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hình ảnh, uy tín, danh dự của ông T2 là nhà báo uy tín, buộc ông T2 phải tốn thời gian, tiền bạc để theo kiện.

Do đó, ông T2 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa toàn bộ Bản án

sơ thẩm ngày 14/6/2022 của Tòa án Sơn Trà, Cụ thể:

- Không chấp nhận Đơn Khởi kiện của ông Phan Như N.
- Chấp nhận Đơn phản tố của ông T2, buộc ông N phải xin lỗi công khai trên Báo nhân dân, Đài truyền thanh-truyền hình Đà Nẵng 03 (ba) lần trong 03 (ba) ngày liên tiếp kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.
- Buộc ông Phan Như N phải bồi thường “*Thiệt hại về tinh thần*” do ảnh hưởng uy tín, danh dự của ông Lê Danh T2 với số tiền 14.900.000 đồng (*mười bốn triệu, chín trăm ngàn đồng*) bằng 10 lần mức lương cơ sở.

*\* Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị đơn ông Lê Danh T2 giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông đối với nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

*Về thủ tục tố tụng:* Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

*Về nội dung vụ án:* Khoản tiền mà ông N yêu cầu ông T2 trả 688 triệu đồng có liên quan trực tiếp với bà Nguyễn Thị M, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà M vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do đó, đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm giao về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Ông Nguyễn Đình T1 là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có Đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX tiếp tục tiến hành phiên tòa, xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo Đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Như N, ông N nhiều lần đưa tiền cho ông Lê Danh T2 để ông T2 sử dụng vào việc cá nhân, đến ngày 30.6.2017 ông Lê Danh T2 viết giấy công nhận đã nhận của ông N 6 lần, tổng số tiền đã nhận là 688.000.000đ nhưng không trả lại số tiền đã nhận. Do đó, ông yêu cầu Tòa án buộc ông T2 hoàn trả số tiền 688 triệu đồng và không yêu cầu tính lãi.

[2.1] *Theo trình bày của bị đơn ông Lê Danh T2, người đại diện hợp pháp của ông T2:* ông Phan Như N, bà Nguyễn Thị M và ông T2 cùng là thành viên của Công ty CP D Quảng Nam, theo đó ông N là Giám đốc, bà Nguyễn Thị M là Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng, ông T2 là Phó Giám đốc phụ trách Marketing Công ty. Giữa ông N, bà M và ông T2 có quan hệ làm ăn chung, bà M đã đứng ra huy động vốn từ ông T2 để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh. Sau đó, ông T2 thấy nội bộ Công ty lục đục, nợ nhiều người khác. Ông T2 không còn tin tưởng vào ông N nên yêu cầu bà M thanh toán tiền ông T2 đã góp vốn, tiền lương và rút khỏi Công

ty. Bà M đồng ý và chuyển giao nghĩa vụ cho ông N. Do đó, ông N đến giao cho ông T2 06 lần để thanh toán tổng số tiền 688 triệu đồng. Giữa ông N và ông T2 không có quan hệ vay mượn tiền.

[3] Xét trình bày của các bên và các tài liệu, chứng cứ cung cấp kèm theo thì thấy:

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông Nguyễn Đình T1 là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cho rằng, việc ông N giao cho ông T2 688 triệu đồng là quan hệ vay mượn tiền hay có mục đích gì khác nguyên đơn không cần biết. Ông T2 có nhận tiền của ông N thì phải có nghĩa vụ trả lại tiền cho tiền cho ông N; Ông T1 cũng không thừa nhận ông N đưa tiền cho ông T2 là trả tiền thay cho bà M như ông T2, đại diện hợp pháp của ông T2 trình bày. Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư Trần Văn Hòa bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cũng trình bày thống nhất như ý kiến của người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm. Đối với việc ông N, bà M và ông T2 là cùng công ty, có quan hệ làm ăn chung, số tiền ông N giao cho ông T2 theo yêu cầu của bà M hay không người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng đó là mối quan hệ khác không liên quan đến nội dung khởi kiện của ông N đối với ông T2 theo giấy nhận tiền ông T2 viết ngày 30.6.2017.

[3.2] Về khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Như N đối với ông Lê Danh T2, yêu cầu ông T2 trả lại 688 triệu đồng theo giấy viết tay ghi ngày 30/6/2017 này, trước đây ông N cũng đã khởi kiện ông T2, được Tòa án nhân dân quận Sơn Trà thụ lý vụ án số: 126/2020/TLST-DS ngày 10/01/2020.

[3.2.1] Tại Đơn khởi kiện ngày 31/12/2019, Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 30/12/2019, chính ông N trình bày: *“Trước đây tôi làm việc tại Công ty Cp D Quảng Nam, bà Nguyễn Thị M là Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng của Công ty này. Ngày 30/6/2017 bà M có nói tôi đưa cho ông T2 số tiền 688.000.000đ, sau đó tôi yêu cầu bà M trả lại số tiền này cho tôi thì bà M không thừa nhận đã nói tôi đưa số tiền này cho ông T2”*.

Bản tự khai ngày 15/01/2020 ông N trình bày: *“Trước đây tôi làm việc tại Công ty Cp D Quảng Nam. Năm 2017 ông T2 đặt Văn phòng đại diện báo Thương hiệu và Công luận tại Văn phòng Công ty Cp D Quảng Nam. Tại thời điểm này, bà Nguyễn Thị M là Phó Giám đốc của Công ty. Ngày 30/6/2017 bà M gọi điện nói tôi đưa nhiều lần tiền cho ông T2. Trong ngày 30/6/2017, tại phòng làm việc của ông T2 (Tầng 2, số 197 Đường I, V, Tp Đà Nẵng) tôi đã đưa cho ông T2 nhiều lần cụ thể như sau: 60t + 88t + 100t + 240t + 100t + 100t = 688 triệu”*.

[3.2.2] Trong lần khởi kiện này, Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đã đưa bà Nguyễn Thị M vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại đơn trình bày ý kiến ngày 20/9/2020, Đơn đề nghị vắng mặt và trình bày quan điểm ghi ngày 20/10/2020, bà Đàm Hoàng Thy H2 là đại diện theo ủy quyền của bà M tham gia tố tụng cũng xác nhận: *ông N là Giám đốc, bà M là Phó Giám đốc Công ty CP D Quảng Nam, biết ông T2 có tiền để dành nên ông N gợi ý cho bà M dùng*



*uy tín cá nhân để thuyết phục ông T2 đầu tư vào Công ty. Vì vậy, bà M thay mặt Công ty huy động vốn từ ông T2 để mở rộng kinh doanh. Để T2 sự tin tưởng ông N chủ động đại diện Công ty ký hợp đồng lao động không thời hạn với ông T2 và bổ nhiệm ông T2 giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty phụ trách Marketing. Sau đó, do biết ông N sử dụng con dấu Công ty sai mục đích, ông T2 không còn tin tưởng nên yêu cầu bà M lấy lại tiền Công ty đã huy động. Bà M đã yêu cầu ông N lấy tiền của công ty thanh toán lại cho ông T2. Ông N đã đồng ý và đã thực hiện nghĩa vụ tổng cộng 6 lần trả nợ cho ông T2. Bà M đã chuyển giao nghĩa vụ cho ông N và có văn bản xác nhận là đã thanh toán xong với ông T2”.*

[3.2.3] Sau khi Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đưa vụ án ra xét xử thì ông N lại xin rút đơn khởi kiện đối với ông N, do đó Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số: 295/2020/QĐST-DS ngày 20/11/2020.

[3.3] Trước khi khởi kiện ông T2 lần thứ nhất, sau đó xin rút đơn khởi kiện như nêu trên, ông Phan Như N đã làm Đơn tố giác ghi ngày 09/01/2019 gửi Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đà Nẵng, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tố cáo ông T2 và bà M lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của ông. Đơn này ngoài gửi cơ quan CSĐT, VKS ông N còn gửi cho ông T2 01 bản, ông T2 cung cấp cho Tòa án. Tại Đơn tố giác này ông N trình bày nội dung: *“Trước đây tôi làm việc tại Công ty Cp D Quảng Nam, bà Nguyễn Thị M là Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng của Công ty. Nhiều lần bà M mượn tiền của tôi để đưa cho anh Lê Danh T2 và tôi trực tiếp đưa cho anh Lê Danh T2 số tiền 688.000.000đ. Khi không còn làm việc nữa tôi yêu cầu bà M trả lại số tiền này cho tôi thì bà M lần lữa né tránh, không thừa nhận đã mượn tôi số tiền này. Hiện nay bà M đã bỏ trốn, không làm việc tại Công ty hơn 1 năm nay. Tôi yêu cầu anh T2 hoàn trả lại cho tôi số tiền mà tôi đã đưa anh trực tiếp cho anh thì anh bảo tôi đòi bà M. Tôi được biết bà M đã mượn tiền anh T2 mà không trả nên khi anh T2 đòi tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của bà M thì bà M sợ lộ vụ việc này nên mượn tiền tôi trả cho anh T2 để anh T2 không tố giác.”* Tại phiên tòa ngày 09/6/2022 đại diện hợp pháp của ông N là ông Nguyễn Đình T1 xác nhận nội dung và chữ ký trong đơn tố giác này là của chính ông N. Do đó, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 BLTTDS.

[4] Tài liệu do ông T2 cung cấp còn thể hiện, ông Phan Như N là Giám đốc Công ty CP D Quảng Nam là đại diện theo pháp luật Công ty, bà Nguyễn Thị M là Phó Giám đốc, kiêm Kế toán trưởng Công ty ký hợp đồng lao động không thời hạn với ông T2 và bổ nhiệm ông T2 giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty phụ trách Marketing. Như vậy, có cơ sở xác định số tiền 688.000.000đ ông N giao cho ông T2 là tiền trả cho ông T2 mà ông N đồng ý thực hiện nghĩa vụ thay theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị M và đã được chấm dứt khi ông N thực hiện xong nghĩa vụ của bà M bằng giấy xác nhận của ông T2 nhận 06 lần với tổng số tiền 688.000.000đ vào ngày 30/6/2017. Giữa ông T2 và Nguyễn không có quan hệ vay mượn số tiền 688.000.000đ, nên ông T2 không có nghĩa vụ trả nợ cho ông N như trình bày của

ông Lê Danh T2 và người đại diện hợp pháp của ông T2 là phù hợp theo quy định tại Điều 370, Điều 377 BLDS 2015.

[5] Tại Đơn tố giác như nêu tại [3.3], ông N xác định số tiền 688.000.000đ là khoản tiền bà M mượn của ông N để trả nợ cho ông T2. Trong khi Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đang giải quyết vụ án do ông N khởi kiện ông T2 lần thứ nhất, bà M đã tham gia tố tụng trình bày ý kiến xác định số tiền 688.000.000đ bà Myêu cầu ông N trả cho ông T2 là khoản tiền Công ty nợ ông T2, nhưng ông N, đại diện hợp pháp của ông N không có ý kiến phản đối hoặc có yêu cầu độc lập đối với bà M mà lại rút lại yêu cầu khởi kiện. Do đó, đối với số tiền 688.000.000đ mà ông N đưa cho ông T2 theo yêu cầu của bà M thì ông N có thể yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác để xem xét trách nhiệm của bà M đối với ông (nếu có).

[6] Về yêu cầu phản tố của bị đơn: Xét thấy, ông T2 có viết giấy nhận của ông N số tiền 688.000.000đ, cho rằng ông T2 không trả lại tiền đã nhận nên ông N khởi kiện là đúng về quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 BL TTDS. Ông T2 là người bị nguyên đơn khởi kiện, được xác định là bị đơn, có quyền, nghĩa vụ tham gia trong quá trình Tòa án tiến hành tố tụng giải quyết vụ án để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại các Điều 68, 70, 72 BL TTDS. Do đó, Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông T2 về buộc ông N phải xin lỗi công khai và phải bồi thường thiệt hại về tinh thần là có cơ sở.

[7] Từ những phân tích, nhận định trên HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Lê Danh T2 sửa một phần bản án sơ thẩm đối với nội dung: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Như N yêu cầu ông Lê Danh T2 trả lại số tiền 688.000.000đ.

[8] Về ý kiến của của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố tại phiên tòa cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Nguyễn Thị M vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Xét thấy, ngày 24/3/2022 Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đã có Thông báo số: 86/TB-TA V/v bổ sung bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1954, trú tại số X Đường I, quận V, thành phố Đà Nẵng vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, theo yêu cầu của bị đơn ông Lê Danh T2. Tòa án cũng đã xác minh tại địa chỉ các bên đương sự cung cấp nhưng không xác định được nơi cư trú hiện nay của bà M, do đó tiến hành niêm yết các thông báo tố tụng của Tòa án cho bà M tại địa chỉ số X Đường I, quận V do bị đơn cung cấp. Ngoài ra, trong lần khởi kiện trước của ông N đối với ông T2, bà M có ủy quyền cho người đại diện hợp pháp tham gia và có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của ông N đối với ông T2 như HĐXX đã nhận định tại phần [3.2.2], [5] trên. Do đó, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà M vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án sơ thẩm giải quyết lại vụ án là không phù hợp, nên HĐXX không chấp nhận.

[9] Về án phí:

[9.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận, nên ông N phải chịu án phí có giá ngạch với số tiền là 31.520.000 đồng phải chịu án phí sơ thẩm; Bị đơn phản tố không được Tòa án chấp nhận nên, ông T2 phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000đ đối với yêu cầu xin lỗi công khai và án phí có giá ngạch đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại là 745.000đ, theo khoản 3, 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của ông Lê Danh T2 được chấp nhận một phần và sửa một phần bản án sơ thẩm nên ông T2 không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 148, khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 370, 377 BLDS 2015;
- Khoản 3, 5 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Lê Danh T2; Sửa một phần *Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2022/DS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng*

#### **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Như N đối với ông Lê Danh T2 về việc buộc ông Lê Danh T2 phải trả cho ông Phan Như N số tiền 688.000.000 đồng (*Sáu trăm tám mươi tám triệu đồng*).
2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Danh T2 đối với ông Phan Như N về việc buộc ông Phan Như N phải “*Xin lỗi công khai*” phải bồi thường “*Thiệt hại về tinh thần*” với số tiền 14.900.000đ do ảnh hưởng uy tín, danh dự của ông Lê Danh T2.

3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Lê Danh T2 về việc buộc ông Phan Như N phải bồi thường chi phí thuê luật sư là 100.000.000 đồng.

4. Về án phí dân sự:

4.1. Án phí sơ thẩm:

Ông Phan Như N phải chịu là 31.520.000 đồng (*Ba mươi một triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng*), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 15.760.000 đồng theo Biên lai thu số 6824 ngày 06/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, ông N còn phải nộp số tiền là 15.760.000 đồng.

Ông Lê Danh T2 phải chịu án phí sơ thẩm là: (300.000đ + 745.000đ) = 1.045.000đ, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phản tố sơ thẩm đã nộp là 2.500.000 đồng theo Biên lai thu số 3093 ngày 09/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, ông T2 được hoàn trả số tiền còn lại là 1.455.000 đồng.

4.2. Án phí phúc thẩm: Ông Lê Danh T2 không phải chịu án phí phúc thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu số 6262 ngày 07/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Cục THADS TP. Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Tổ nghiệp vụ dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

**Cao Văn Hiếu**